

WITHOUT TREND 2 – COMPARATIVE

Vì so sánh với nhau nên dùng : high / big /...

Tí lệ % của cái gì			thì	cao bằng cao gần bằng không cao bằng	tí lệ % của cái gì			với số liệu là ...
The percentage	of	Subject	(be)	as high as nearly as high as not as high as	that	of	Subject	at ...% for the former and ...% for the latter (former: cái dc nhắc trước latter: cái được nhắc sau)
The percentage	of	sushi	was	as high as nearly as high as not as high as	that	of	chips	at 31% for the former and 33% for the latter.

Practice:

In 2000,

1. French fries – 26% - chips – 26% (cao bằng: as high as)
2. Clothing – 25% - transport – 27% (gần bằng: nearly as high as)
3. Food – 15% - housing – 32% (không cao bằng: not as high as)